

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 6 - 2024

V/v yêu cầu ly hôn, giải
quyết về con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê.

2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Đum Kpã – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 157/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023, về việc *Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Hoài G, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Nh, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2023, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị Hoài G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh Nguyễn Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/3/2021. Từ khi kết hôn đến năm 2022 vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó anh Nguyễn Nh ham chơi, không chăm lo cho vợ con, không làm

tròn trách nhiệm của người chồng, người cha nên giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn tới cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Hai bên đã nhiều lần trao đổi nhưng anh Nguyễn Nh vẫn không thay đổi, không thể hàn gắn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống, thực tế đã không còn chung sống từ khoảng tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Chị G xác định đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị G được ly hôn với anh Nguyễn Nh.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Đ, sinh ngày 25/11/2020 và Nguyễn Nt, sinh ngày 06/11/2022, chị G yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con đến khi đủ 18 tuổi vì từ khi không còn chung sống đến nay các con vẫn sống ổn định và do chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 31/10/2023, chị G yêu cầu anh Nguyễn Nh phải cấp dưỡng nuôi 02 con với số tiền cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000 đồng/một người con, nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị G đã xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện theo hướng, chị G không yêu cầu anh Nguyễn Nh phải cấp dưỡng nuôi con nên chị G không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, nợ chung nên Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Nh, quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Giấy báo tham gia tố tụng, tham gia phiên họp, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Nguyễn Nh không có văn bản nêu ý kiến, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thể tiến hành hoà giải. Khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy báo tham gia phiên tòa nhưng anh Nguyễn Nh vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do, không thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Hoài G.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị G được ly hôn với anh Nguyễn Nh.

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Đ, sinh ngày 25/11/2020 và Nguyễn Nt, sinh ngày 06/11/2022 cho chị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không yêu cầu anh Nguyễn Nh phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Anh Nguyễn Nh đã được cấp, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, các giấy báo tham gia phiên tòa những vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Hoài G:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị G và anh Nguyễn Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/3/2021 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét lời trình bày của chị G cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã, không thể tìm được tiếng nói chung, anh Nguyễn Nh không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Mâu thuẫn đã trầm trọng, đã cố gắng giải quyết nhưng không thể hoà hợp, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn tình cảm, giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng không còn là có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh Nguyễn Nh nhưng anh Nguyễn Nh không có văn bản trình bày ý kiến, vắng mặt tại các buổi làm việc không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến, không thể tiến hành hoà giải được. Hội đồng xét xử xét thấy, trong cuộc sống hôn nhân giữa chị G và anh Nguyễn Nh xảy ra mâu

thuần là có thật, mâu thuẫn kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, thực tế đã không còn chung sống từ khoảng tháng 4/2023 cho đến nay nên chị G yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Nh là có căn cứ, cần chấp nhận cho chị G được ly hôn với anh Nguyễn Nh là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị G và anh Nguyễn Nh có 02 con chung là Nguyễn Đ, sinh ngày 25/11/2020 và Nguyễn Nt, sinh ngày 06/11/2022, từ khi không còn chung sống đến nay các con do chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên để ổn định nơi sinh sống và học tập cần giao các con cho chị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị G phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Hoài G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Hoài G được ly hôn với anh Nguyễn Nh.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Đ, sinh ngày 25/11/2020 và Nguyễn Nt, sinh ngày 06/11/2022 cho chị Đặng Thị Hoài được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Chị Đặng Thị Hoài G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị Hoài G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Hoài G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0004206 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C, huyện K;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân